

Tuần 9 - VĂN 6 (Từ 1 – 6/11) - HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Tiết 33. **Thực hành Tiếng Việt** – (Sgk/67)

Tiết 34. **Độc mở rộng theo thể loại - HOA BÌM** – Nguyễn Đức Mậu (HDHS TỰ HỌC)- (sgk/69)

Tiết 35. **VIẾT - LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**- (sgk/70)

Tiết 36, 37. **VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**-(sgk/74)

Tiết 33. **Thực hành Tiếng Việt** – (Sgk/67)

1. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:**
 - Kiến thức về từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.
 - Cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.
2. **Năng lực:** Giúp học sinh:
 - Nhận biết các loại từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.
 - Nhận biết cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.
3. **Phẩm chất:**
 - Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, điện thoại, SGK và các tài liệu tham khảo.
- Phiếu học tập.
- Bảng kiểm.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

1. **Mục tiêu:** -Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.
 - HS xác định được mục tiêu của bài học.
2. **Nội dung:** GV tổ chức trò chơi trong thời gian 3 phút., GV đặt câu hỏi.
3. **Sản phẩm:** Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV
4. **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Giáo viên chuẩn bị nhiều thẻ từ khóa. Giáo viên đọc câu hỏi. HS điền từ khóa là đáp án của câu hỏi..

- Em hãy điền từ: (búp măng non, đóa hoa xinh, búp rên cành) vào chỗ trống:
“Trẻ em như
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”.
- Em hãy tìm 1 từ láy để miêu tả hình dáng con đường trong bức tranh?
- Em hãy cho biết từ ngữ nào xuất hiện nhiều nhất trong đoạn văn:

“Quê hương em đẹp biết bao, nơi đây có đồng lúa chín vàng, những cánh cò trắng là là bay. Các cô bác nông dân chăm chỉ làm việc quanh năm suốt tháng. Những đứa trẻ mục đồng thổi sáo trên lưng trâu. Dòng sông thơ mộng chảy quanh. Em gọi to: Quê hương! Quê hương ơi!!! Phải, quê hương, nơi chúng ta sinh ra và lớn lên, đã cho ta tiếng khóc từ khi chào đời. Để cho quê hương giàu đẹp hơn, ta cần phải học tập, rèn luyện thật tốt để xây dựng quê hương.”

?Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: - Đọc và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:-Trình bày kết quả làm việc.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT	
Từ láy	
a) Mục tiêu: Giúp HS tìm được từ láy. b) Nội dung: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân. GV hỏi, HS trả lời c) Sản phẩm: Sản phẩm của nhóm, câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ?Các từ láy: đăm đăm, mếu mếu, liu liêu có đặc điểm âm thanh gì giống và khác nhau? ?Dựa vào phân tích trên, hãy phân loại từ láy và nêu đặc điểm của từng loại? Lấy VD về mỗi loại từ láy? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:- Đọc phần VD. - HS quan sát ví dụ trên máy chiếu. Hoàn thành các câu hỏi GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV:- Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS:- Trình bày kết quả làm việc. - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang nội dung mới.	Có 2 loại từ láy: -Từ láy toàn bộ:các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn VD: đăm đăm, quanh quanh, ... -Từ láy bộ phận:giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần VD mếu mếu, liêu liêu...
Nghĩa của từ ngữ	
a) Mục tiêu: Giúp HS: - Hiểu và phân biệt được nghĩa của “phồn hoa” & “phồn vinh”, “bút hoa”, “săn” trong câu “ Cá tôm săn bắt, lúa trời săn ăn”. Từ đó thấy được sáng tạo trong việc sử dụng từ. - Nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa trong các văn bản đã học trước đó.	

b) Nội dung: - GV cho HS làm việc cá nhân. c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gọi HS đọc 1 số VD (1) Tập quán: thói quen của 1 cộng đồng được hình thành từ lâu trong đời sống và được mọi người làm theo (2) Lắm liệt: hùng dũng, oai nghiêm (3) Nao núng: lung lay, không vững lòng tin - Các chú thích trên nằm ở văn bản nào? (Tích hợp ngang) - Mỗi chú thích trên gồm mấy bộ phận? - Bộ phận nào nêu lên nghĩa của từ? - Nghĩa của từ ứng với mô hình nào? HS thảo luận <u>Hình thức</u> Nội dung B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn. B3. Báo cáo thảo luận: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	- Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, quan hệ hoạt động ...) mà từ biểu thị. <u>VD</u>: Nao núng: lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.
3. Biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ.	
a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh, điệp ngữ b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
✱ So sánh B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Hs theo dõi ví dụ trong sgk. - Những tập hợp từ nào chứa hình ảnh so sánh? - Những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau? - Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy? - So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không dùng phép so sánh) B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần) B3. Báo cáo thảo luận: - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.	

B4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.

✱ **Điệp ngữ**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hs theo dõi ví dụ.?Chỉ ra những từ ngữ được lặp lại?? Qua VD hãy chỉ rõ ra thế nào là điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.

B4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.

3. HD 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Bài tập của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bài 1:	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	a. -“phồn hoa” : cảnh sống giàu có, xa hoa -“phồn vinh” : miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng. => câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa <u>nên dùng từ “phồn hoa”</u> là thích hợp nhất. b. So sánh: phố – mắc cửi, đường – bàn cờ => Tác dụng: tính chất sầm uất, đông vui của phố thị. c. “ngần ngor” : trạng thái bị cuốn hút đến ngơ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường. d. “bút hoa” : tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ => sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.
Bài 2	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm câu có biện pháp điệp từ. GV hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện	Bài 2 a. Điệp từ “sẵn” => có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu, nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.

pháp điệp ngữ và phân tích tác dụng của biện pháp? B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm của mình. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.
Bài 3	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cho nổi cột B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm của mình. - GV theo dõi, ghi nhận kết quả. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển sang đề mục sau.	3. Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A 1e – 2g – 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d
Bài 4	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Đặt câu hỏi: Xác định và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong bài tập 4 B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: hoàn thiện các bài tập được giao. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: Trình bày kết quả B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình.	4. Các từ láy trong đoạn văn: dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, băng khuâng, ngọt ngào, ngán ngủi, xao xuyến. => – Nhấn mạnh sự chất phác, mộc mạc thôn quê của bài ca dao – Giúp người đọc hình dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao.

4. HD 4: Vận dụng

- Mục tiêu:** Phát triển năng lực viết và sử dụng CNTT trong học tập.
- Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- Tổ chức thực hiện**

Viết ngắn

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS: Tìm các hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh để làm một tập ảnh. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.

HS tìm các hình ảnh về quê hương Việt Nam và viết thành đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

Tìm tòi bổ sung

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm thêm ví dụ các bài thơ được sáng tác bằng thể thơ lục bát và chỉ ra các yếu tố của thể thơ trong bài thơ đó?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài tiếp theo .

Tiết 34. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

HOA BÌM – Nguyễn Đức Mậu (sgk/69)

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (thể thơ lục bát).
- Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được yếu tố của thể thơ lục bát (số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp).
- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước, trung thực, khiêm tốn;
- Yêu tiếng nói, văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, điện thoại..
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc
- Phiếu học tập.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức về thể thơ lục bát vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn (Thể thơ lục bát)

b) Nội dung:

- ? Kể tên một số thể thơ mà em biết?
- ? Trong các bài thơ được học, đọc, em hãy cho biết bài thơ nào được viết theo thể thơ lục bát?
- ? Dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?
- HS quan sát, lắng nghe và trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS

- Xác nhận được thể loại của các bài thơ.
- Tri thức ngữ văn (thể thơ lục bát).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- ? Kể tên một số thể thơ mà em biết?
- ? Trong các bài thơ được học, đọc, em hãy cho biết bài thơ nào được viết theo thể thơ lục bát?
- ? Dấu hiệu nào giúp em nhận ra điều đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe và suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định hai, ba HS trả lời.

HS: Trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét câu trả lời của HS, chuyển dẫn vào hoạt động *đọc mở rộng theo thể loại*.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức về thể thơ lục bát vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn (Thể thơ lục bát)

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.
- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

I. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm

Mục tiêu: Giúp HS nêu những nét chính về nhà văn Nguyễn Đức Mậu và bài thơ “Hoa bìm”

Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

Tổ chức thực hiện

Dự kiến sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà (Giao nhiệm vụ từ tiết trước).

1. Tác giả

- Nguyễn Đức Mậu (1948)
- Quê quán: xã Nam Điền, huyện Nam Trực, tỉnh Nam

? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu vài nét khái quát về tác giả? ? Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ “Hoa bìm”? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu trên màn hình.	Định  - Từng giữ chức phó chủ tịch hội đồng Thơ - Hội nhà văn Việt Nam. 2. Tác phẩm - Thể thơ: Lục bát. - Xuất xứ: Thơ lục bát, NXB Quân đội nhân dân, 2007. - PTBD chính: Biểu cảm.
--	---

II. ĐẶC ĐIỂM THƠ LỤC BÁT THỂ HIỆN QUA BÀI THƠ “HOA BÌM”	
Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc nội dung bài thơ SGK; - HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi: ? Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ trên? ? Xác định tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện qua bài thơ? ? Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi vào giấy GV: Giao nhiệm vụ cho HS làm ở nhà. B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định một vài HS chia sẻ vài tập đã chuẩn bị ở nhà trước lớp. - Các HS quan sát, lắng nghe. Nhận xét và bổ sung cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV)	1. Đặc điểm thể thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ là: - Bài thơ gồm các cặp câu lục bát: + Câu lục: 6 tiếng + Câu bát: 8 tiếng. - Về cách gieo vần: + Tiếng thứ sáu của câu lục vần với tiếng thứ sáu của câu bát kể nó: bìm-tìm, ngư-hờ, sai-vài, dim-chim, gầy-đầy, tơ-nhờ + Tiếng thứ tám câu bát vần với tiếng thứ sáu của câu lục kể theo: thơ-ngơ, gai-sai, chim-dim, mây-gầy - Về ngắt nhịp: ngắt nhịp chẵn câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4 - Về thanh điệu: có sự phối hợp giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát: các tiếng ở vị trí 2,4,6,8 đều tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thanh trắc, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng. 2. Tác giả đã thể hiện tình cảm với quê hương khi gợi nhắc lại những kỉ niệm của tuổi thơ, những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với cuộc sống thường ngày. Qua đó thể hiện nỗi nhớ da diết và mong ước được trở về quê hương. 3. Nghệ thuật: Bài thơ được làm bằng thể thơ lục bát, ngôn ngữ bình dị thể hiện nét gần gũi với cuộc

- Nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và hướng dẫn HS chốt kiến thức về thể loại lục bát. - Chuyển sang nội dung tiếp theo.	sống chốn thôn quê. Tác giả đã sử dụng điệp từ “có” kết hợp với biện pháp liệt kê để gợi nhắc những hình ảnh thân thuộc gắn bó với tuổi thơ: có con chuồn ớt lơ ngơ, có cây hồng trĩu cành sai, có con mắt lá lim dim, có con thuyền giấy..... Từ đó, tác giả đã vẽ lên một khung cảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi, sống động với người đọc và bộc lộ được cảm xúc, nỗi nhớ của mình với quê hương tuổi thơ.
--	---

Hoạt động 3: Luyện tập (NỘI DUNG PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC)

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc đọc mở rộng theo thể loại.
- Nhận biết được thanh điệu, vần, nhịp trong thơ lục bát.

b) Nội dung: HS thực hành đọc cá nhân văn bản “Hoa bìm”.

c) Sản phẩm: Đọc diễn cảm, đúng nhịp điệu thể hiện được tình cảm của người viết thông qua ngôn từ, hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu HS đọc thầm tại chỗ (3’)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS: cách đọc và giọng đọc. GV đọc mẫu.

HS đọc thầm theo sự hướng dẫn của GV.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS đọc trước lớp.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá bài đọc của bạn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm ví dụ về một số bài thơ lục bát về vẻ đẹp quê hương và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thể loại trong văn bản đó? (HS chỉ cần lựa chọn một văn bản để nêu ra đặc trưng).

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.

Tiết 35. VIẾT - LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tri thức về thơ lục bát.
- Cảm xúc của người viết trước bài thơ.

2. Về năng lực:

- Nhận dạng một số yếu tố thơ lục bát về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ.
- Làm được bài thơ lục bát.

3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, trân trọng thành quả của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, điện thoại.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc, bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài thơ lục bát.
- Nhận biết được những yếu tố cơ bản trong một bài thơ lục bát.

Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi của GV

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hỏi:

- ? Trong bốn bài ca dao đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao?
- ? Thể thơ lục bát có những đặc điểm nào về số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp thơ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS:
- Quan sát lại bốn vb đã học.
 - Suy nghĩ cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV nhận xét, nhắc lại những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát.
- Kết nối với ý thế nào là bài thơ hay trong mục “Tri thức về kiểu bài”.

Vb: Việt Nam quê hương ta.
- Vì

HD 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 THỂ NÀO LÀ MỘT BÀI THƠ HAY

Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với một bài thơ hay:

- Về nội dung.
- Về hình thức.

Nội dung:

- GV chiếu bài thơ Hoa bìm, yêu cầu HS quan sát.

- GV chia nhóm lớp
- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập:

Nội dung	Hình thức
	- Ngôn ngữ
	- Các biện pháp tu từ
	- Cách gieo vần
	- Nhịp thơ

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Xác định nội dung bài thơ? (Bài thơ viết về điều gì?) ? Bài thơ thể hiện tình cảm của tg đối với quê hương ntn? Từ nội dung bài thơ trên, em hãy nhận xét về cách viết nội dung và hình thức của một bài thơ lục bát hay? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lại văn bản “Hoa bìm”. - Làm việc cá nhân 4’. - Làm việc nhóm 3’, thống nhất ý kiến chung, hoàn thiện phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trả lời. - HS trả lời câu hỏi GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau: Sáng tác một bài thơ lục bát.	- Viết về những kỉ niệm tuổi thơ nơi bến quê. - Qua đó thể hiện nỗi nhớ da diết và mong ước được trở về quê hương. - Về nội dung: Một bài thơ lục bát có nội dung hay là nội dung đó thể hiện được một cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị về cuộc sống. - Về hình thức: + Ngôn ngữ: Hàm súc, gợi hình, gợi cảm. + Sử dụng hài hoà các BPNT như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ... tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị. + Cách gieo vần, nhịp điệu: Theo quy luật của thơ.

2.2 SÁNG TÁC THƠ LỤC BÁT

Mục tiêu: Bước đầu biết cách bài thơ lục bát.

Nội dung:

- HS đọc SGK
- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu bài thơ “Chăn trâu đốt lửa” lên bảng, chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm cụ thể như sau:	1. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: “<i>Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro</i>” khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc băng khuâng của

1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?

2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra sự hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:

Dòng/ tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục								
Bát								

3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?

4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?

5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?

6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc SGK và trả lời câu hỏi
- Làm việc cá nhân 2'
- Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ chung.

GV:

- Hướng dẫn HS trả lời
- Quan sát, theo dõi HS thảo luận.

B3: Báo cáo thảo luận

HS:

- Trình bày sp của nhóm
- Quan sát và bổ sung sp các nhóm.

GV: Hướng dẫn HS trình bày sp.

B4: Kết luận, nhận định

GV:

- Nhận xét
- + Câu trả lời của HS
- + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm
- + Sản phẩm của các nhóm

nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.

2. Sự hiệp vần: đồng – đồng, nhiều – điều – chiều.

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Dòng								
Lục	B	B	T	T	B	B		
Bát	T	B	B	T	T	B	B	B
Lục	T	B	T	T	B	B		
Bát	T	B	T	T	T	B	B	B

3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến. Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.

4. Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nước khoai, cảm nhận ấy còn được thể hiện qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông. Tất cả đã hoà quện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.

5. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng phép đối giữa ít-nhiều, rạ rom (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là sự tương đồng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.

6. Từ tìm hiểu bài thơ, em học được cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu:

- Số dòng, số tiếng: Bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ (tạo thành cặp)
- Gieo vần: tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai.
- Nhịp thơ: Nhịp chẵn
- + Câu lục: 2/2/2
- + Câu bát: 4/4
- Từ ngữ: Giản dị, giàu sức gợi cảm kết hợp hài hoà các biện pháp nghệ thuật để thể hiện tình

- Chốt kiến thức và kết nối với mục sau.	cảm, cảm xúc và ý tưởng của người viết.
--	---

2.3 THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi và trình bày 1 phút để hướng dẫn HS.
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm																																				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Lựa chọn đề tài sáng tác (GV gợi ý có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất). Hoặc GV giao đề tài cho HS chuẩn bị ở nhà, đến lớp mời một vài em chia sẻ đề tài mình định viết. - Từ đề tài trên, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho đề tài mà em lựa chọn bằng cách yêu cầu mỗi HS hoàn thiện phiếu học tập: 1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất là..... 2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu tôi là..... 3. Tôi viết điều này ra để..... - Dựa vào phiếu học tập, HS điền các từ ngữ, hình ảnh, cách gieo vần, các tiếng để viết tối thiểu hai cặp thơ lục bát.	1. Lựa chọn đề tài Viết hai câu thơ lục bát về đề tài quê hương. 2. Tìm ý tưởng 1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên để lại cho em cảm xúc sâu sắc nhất là: Quê hương nơi em sinh ra và lớn lên. 2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu em là hình ảnh về dòng sông, trưa hè, tiếng ve, lời ru của mẹ. 3. Tôi viết điều này ra để bộc lộ tình yêu quê hương, lòng biết ơn mẹ với những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ, bình yên. 3. Làm thơ lục bát Quê hương là một tiếng ve Lời ru của mẹ trưa hè à ơi Dòng sông con nước đầy vui Quê hương là một góc trời tuổi thơ. <table><tr><td>Tiếng/ dòng</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr><tr><td>Lục</td><td></td><td>hương (bằng: thanh huyền)</td><td></td><td>một (trắc: thanh nặng)</td><td></td><td>Ve (bằng: thanh huyền, vần e)</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Bát</td><td></td><td>ru (bằng: thanh huyền)</td><td></td><td>mẹ (trắc: thanh nặng)</td><td></td><td>hè (bằng: thanh huyền, vần e)</td><td></td><td>ơi (bằng: thanh huyền, vần oi)</td></tr><tr><td>Lục</td><td></td><td>sông (bằng:</td><td></td><td>nước (trắc:</td><td></td><td>vòi (bằng:</td><td></td><td></td></tr></table>	Tiếng/ dòng	1	2	3	4	5	6	7	8	Lục		hương (bằng: thanh huyền)		một (trắc: thanh nặng)		Ve (bằng: thanh huyền, vần e)			Bát		ru (bằng: thanh huyền)		mẹ (trắc: thanh nặng)		hè (bằng: thanh huyền, vần e)		ơi (bằng: thanh huyền, vần oi)	Lục		sông (bằng:		nước (trắc:		vòi (bằng:		
Tiếng/ dòng	1	2	3	4	5	6	7	8																													
Lục		hương (bằng: thanh huyền)		một (trắc: thanh nặng)		Ve (bằng: thanh huyền, vần e)																															
Bát		ru (bằng: thanh huyền)		mẹ (trắc: thanh nặng)		hè (bằng: thanh huyền, vần e)		ơi (bằng: thanh huyền, vần oi)																													
Lục		sông (bằng:		nước (trắc:		vòi (bằng:																															

Tiếng/ Câu	1	2	3	4	5	6	7	8			thanh huyền)		thanh sắc)		thanh huyền, vần Ơi)		
Lục																	
Bát																	
Lục																	
Bát																	

- Dùng bảng kiểm để HS tự kiểm tra bài thơ của mình, sau đó hai HS sẽ kiểm tra chéo và hoàn thiện bài thơ của mình.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu học tập.

HS:

- Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS:

- Đọc sản phẩm của mình.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.

		thanh huyền)		thanh sắc)		thanh huyền, vần Ơi)		
Bát		hương (bằng: thanh huyền)		một (trắc: thanh nặng)		trời (bằng: thanh huyền, vần Ơi)		thơ (bằng: thanh huyền, vần Ơ)

4. Chỉnh sửa và chia sẻ

- Đọc diễn cảm bài thơ theo đúng giọng điệu.

- Dùng bảng kiểm để kiểm tra và sửa lại bài thơ đảm bảo đúng luật của thể thơ lục bát.

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Hình thức	Bài thơ gồm các dòng lục (sáu tiếng) và dòng bát (tám tiếng) xen kẽ.	
	Các dòng thơ chủ yếu được ngắt nhịp chẵn.	
	Cách hiệp vần: Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó.	
	Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ...	
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói.	
	Các hình ảnh sống động, thú vị.	
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống.	

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm một bài thơ lục bát.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Bài thơ lục bát của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao đề tài cho HS lựa chọn hoặc GV ấn định đề tài.
Ví dụ: Viết bài thơ lục bát nói về tình cảm gia đình.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tìm ý tưởng và viết thơ dựa vào kiến thức đã học về thể thơ lục bát.

HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học trong học tập.

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết một bài thơ lục bát về một cảnh đẹp của quê hương em.

- Yêu cầu có hình ảnh minh họa hoặc thiết kế dưới dạng thiệp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu tham khảo trên mạng.

B3: Báo cáo, thảo luận: GV thống nhất thời gian để HS nộp sản phẩm.

B4: Kết luận, nhận định (GV): Dẫn dò nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài tiếp theo.

Tiết 36, 37.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tri thức về đoạn văn.
- Cảm nhận của người viết trước một bài thơ lục bát.

2. Về năng lực: Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

3. Về phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, trân trọng thành quả của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng kiểm tra, đánh giá chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI

Mục tiêu: Nhận dạng được đoạn văn ghi lại cảm xúc trước một bài thơ lục bát.

Nội dung: HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ mà GV phân công.

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm hiểu theo cặp các câu hỏi: ? Trong bốn bài ca dao đã học ở bài 3, em thích bài nào nhất? Vì sao? Nêu ngắn gọn cảm xúc của em về bài ca dao đó? ? Để ghi lại cảm xúc của mình trước một bài thơ hay em sẽ làm như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Đọc lại bốn vb đã học. Suy nghĩ cá nhân B3: Báo cáo, thảo luận - GV cho HS trả lời câu hỏi. - HS trả lời, nhận xét và bổ sung. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS. - Giới thiệu về kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát.	- HS đưa ra lựa chọn. có thể là văn bản 1, 2 hay 3, 4. - Ví dụ văn bản 1: Việt Nam quê hương ta. - Cảm xúc của em: Yêu mến, tự hào về đất nước Việt Nam giàu đẹp, anh hùng, đoàn kết. - Để ghi lại cảm xúc của mình trước một bài thơ hay em sẽ viết thành đoạn văn nói lên cảm nhận của mình về bài thơ đó. ⇒ GV giới thiệu kiểu bài.
--	---

HD 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Mục tiêu: HS biết được:

- Tri thức về đoạn văn.
- Nhận dạng được đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát.

Nội dung: HS thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến			
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu nội dung phần <i>Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát ở SGK – Trang 78</i> , - GV chia 6 nhóm, yêu cầu HS quan sát, hoàn thiện các câu hỏi trong phiếu học tập: ? Dấu hiệu nào để em nhận biết đó là một đoạn văn? ? Về hình thức đoạn văn gồm có mấy câu? Giữa các câu được ngăn cách với nhau ntn? ? Về nội dung đoạn văn đó thể hiện điều gì?	<table><tr><td>Dấu hiệu nhận biết đoạn văn</td></tr><tr><td>Hình thức: - Gồm nhiều câu văn (từ hai câu văn trở lên) - Chữ cái đầu dòng được viết hoa và lùi vào đầu dòng. - Các câu văn viết liền nhau, ngăn cách bởi dấu câu và kết thúc câu bằng dấu chấm.</td></tr><tr><td>Nội dung: Cảm xúc của nhân vật tôi về bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn.</td></tr></table>	Dấu hiệu nhận biết đoạn văn	Hình thức: - Gồm nhiều câu văn (từ hai câu văn trở lên) - Chữ cái đầu dòng được viết hoa và lùi vào đầu dòng. - Các câu văn viết liền nhau, ngăn cách bởi dấu câu và kết thúc câu bằng dấu chấm.	Nội dung: Cảm xúc của nhân vật tôi về bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn.
Dấu hiệu nhận biết đoạn văn				
Hình thức: - Gồm nhiều câu văn (từ hai câu văn trở lên) - Chữ cái đầu dòng được viết hoa và lùi vào đầu dòng. - Các câu văn viết liền nhau, ngăn cách bởi dấu câu và kết thúc câu bằng dấu chấm.				
Nội dung: Cảm xúc của nhân vật tôi về bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn.				
<table><tr><td>Dấu hiệu nhận biết đoạn văn</td></tr><tr><td>Nội dung</td></tr><tr><td>Hình thức</td></tr></table> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:- Quan sát nội dung SGK. Suy nghĩ cá nhân (2') - Thảo luận để thống nhất ý kiến chung cả nhóm,	Dấu hiệu nhận biết đoạn văn	Nội dung	Hình thức	
Dấu hiệu nhận biết đoạn văn				
Nội dung				
Hình thức				

ghi kết quả thảo luận vào phiếu học tập. (3') B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định HS trình bày kết quả thảo luận. - HS trình bày, lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu hỏi cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS. - Đánh giá, chốt kiến thức cần nhớ và kết nối với nội dung tiếp theo: Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nhận về một bài thơ lục bát.	chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.
---	---

2.2 YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:

- Về nội dung.
- Về hình thức.

Nội dung: HS trả lời các câu hỏi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tiếp tục yêu cầu HS quan sát nội dung <i>Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận trước một bài thơ lục bát ở SGK – Trang 78, trả lời các câu hỏi:</i> ? Về hình thức, bài viết đã đảm bảo là một đoạn văn chưa? Nội dung của đoạn văn là gì? Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về thể thơ lục bát không? ? Người viết đã sử dụng ngôi kể thứ mấy để chia sẻ cảm xúc về bài ca dao? - GV yêu cầu tìm hiểu trả lời.: ? Xác định bố cục của đoạn văn? ? Nội dung câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn là gì? ? Từ đó, em rút ra được yêu cầu gì đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Quan sát nội dung SGK. - Suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi.(2' - Tiếp tục thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời (3') GV: Quan sát, hỗ trợ HS. B3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi một vài HS trả lời câu hỏi.	- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn. - Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát: Bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn. - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc: Xung tôi. - Cấu trúc gồm có ba phần: + Mở đoạn: "Công cha...công cha nghĩa mẹ" Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề). + Thân đoạn: "Vội âm hưởng... công ơn trời biển ấy" gồm: Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát; Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết. + Kết đoạn: "Những câu ca dao... được trong đời". Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. => Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát: - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn. - Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát. - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc. - Cấu trúc gồm có ba phần: Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề). Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng

pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng. - Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ. - Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên. Lập dàn ý. Hãy sắp xếp những ý đã nêu thành dàn ý của đoạn văn theo mẫu sau: Mở đoạn: Giới thiệu cảm xúc chung về bài thơ lục bát. Thân bài: Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về bài thơ lục bát, Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của vài thơ đối với bản thân. Bước 3: Viết đoạn. Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Xem lại và chỉnh sửa. B3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi một vài HS trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu trả lời cho bạn. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, đánh giá quá trình làm việc.	Mở đoạn	- Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. - Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
	Thân đoạn	- Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. - Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
	Kết đoạn	- Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. - Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

TRẢ BÀI	
Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc	Bài viết đã được sửa của HS

B3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.
- HS nhận xét bài viết.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.
- *Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.*

3. HD 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc viết một đoạn văn (từ 150-200 chữ) ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Đoạn văn (từ 150-200 chữ) ghi lại cảm xúc của HS về một bài thơ lục bát.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên lựa chọn bài thơ lục bát hoặc cho HS lựa chọn theo sở thích cá nhân. Ví dụ: Viết đoạn văn (khoảng 250-300 chữ) ghi lại cảm xúc của em về bài thơ lục bát Việt Nam quê hương ta.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV yêu cầu HS nhắc lại các bước viết bài dựa vào kiến thức đã học.

HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HD 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực viết đoạn văn, sử dụng ngôn từ.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát do em sáng tác?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận: GV thông nhất thời gian để HS nộp sản phẩm.

B4: Kết luận, nhận định (GV): Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

CÁC PHIẾU HỌC TẬP VÀ BẢNG KIỂM SỬ DỤNG TRONG BÀI

Nội dung	Hình thức
	- Ngôn ngữ
	- Các biện pháp tu từ
	- Cách gieo vần
	- Nhịp thơ

Dấu hiệu nhận biết đoạn văn	
Nội dung	
Hình thức	

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt/Chưa đạt
Hình thức	Bài thơ gồm các dòng lục (sáu tiếng) và dòng bát (tám tiếng) xen kẽ.	
	Các dòng thơ chủ yếu được ngắt nhịp chẵn.	
	Cách hiệp vần: Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó.	
	Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ...	
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói.	
	Các hình ảnh sống động, thú vị.	
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống.	

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/Chưa đạt
Mở đoạn	- Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. - Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	- Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. - Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	- Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. - Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

HD 4: HDHT:

Hoàn thành bài tập và chuẩn bị Thực hành Tiếng Việt

HĐ 5: Những thắc mắc, các trở ngại khi em thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ Văn	Mục I:	1.
	Phần 1:	2.